

Số: *08* /KL-STC

Bình Định, ngày *25* tháng 7 năm 2017

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc chấp hành pháp luật về tài chính, ngân sách tại Ban Quản lý Cảng cá Bình Định.

Thi hành Quyết định số 115/QĐ-STC ngày 27/4/2017 của Giám đốc Sở Tài chính Thanh tra việc chấp hành pháp luật về tài chính, ngân sách tại Ban Quản lý Cảng cá Bình Định, Đoàn thanh tra theo Quyết định số 115/QĐ-STC đã tiến hành thanh tra tại Ban Quản lý Cảng cá Bình Định.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra ngày 05/6/2017 của Trưởng Đoàn thanh tra, Giám đốc Sở Tài chính kết luận thanh tra như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG:

1. Đặc điểm tình hình, chức năng nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức:

1.1. Đặc điểm tình hình:

Ban Quản lý Cảng cá Bình Định (sau đây gọi tắt là Ban) trước đây là Ban Quản lý Cảng cá Quy Nhơn được thành lập theo Quyết định số 136/2002/QĐ-UB ngày 4/10/2002 của UBND tỉnh Bình Định và chính thức hoạt động từ ngày 21/3/2003. Đề phù hợp Nghị định số 80/2012/NĐ-CP ngày 08/10/2012 của Chính phủ, ngày 26/5/2016, UBND tỉnh Bình Định đã ban hành Quyết định số 1800/QĐ-UBND về việc thành lập Ban Quản lý Cảng cá Bình Định trên cơ sở tổ chức lại Ban Quản lý Cảng cá Quy Nhơn và nhiệm vụ quản lý Cảng cá Đề Gi.

Ban Quản lý Cảng cá Bình Định là đơn vị sự nghiệp có thu trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có tư cách pháp nhân, tự đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên.

1.2. Chức năng, nhiệm vụ:

- Quản lý và khai thác có hiệu quả cảng cá, đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh môi trường trong cảng, tổ chức thực hiện các dịch vụ nghề cá, phục vụ cho ngư dân, có biện pháp phòng ngừa và khắc phục sự cố xảy ra trong khu vực cảng cá;

- Tuyên truyền phổ biến đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong việc phát triển thủy sản và bảo vệ nguồn lợi thủy sản;

- Thực hiện một số nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao.

1.3. Cơ cấu tổ chức bộ máy:

Năm 2016, Ban có 49 công chức, viên chức và người lao động.

- Ban Giám đốc: 01 Giám đốc và 02 Phó Giám đốc.

- 02 phòng chuyên môn: Phòng Hành chính-Tổng hợp: 04 người, Phòng Kỹ thuật-Nghiệp vụ: 03 người.

- 02 đơn vị trực thuộc:

+ Cảng cá Quy Nhơn (31 người gồm): Đội thu phí: 10 người, Đội An ninh trật tự - Điều độ: 12 người, Tổ điện nước: 04 người, Tổ vệ sinh môi trường: 05 người.

+ Cảng cá Đê Gi: 08 người.

* Bộ phận kế toán thuộc phòng Hành chính-Tổng hợp hiện có 02 người: 01 kế toán trưởng, 01 kế toán viên.

2. Tình hình thực hiện nhiệm vụ:

- Tổ chức quản lý bến bãi, tạo điều kiện thuận lợi cho tàu cá, tàu vận tải, xe ô tô ra vào cảng hoạt động kinh doanh dịch vụ liên quan đến nghề cá. Năm 2016, các cảng Quy Nhơn và Đê Gi đã tiếp nhận: 16.901 lượt tàu cá, 2.176 lượt tàu vận tải, 96.074 lượt ô tô ra vào cảng thực hiện bốc dỡ, mua bán 119.387 tấn hàng hoá.

- Các cảng cá đã tạo điều kiện cho người dân vào cảng hoạt động mua bán, dịch vụ nghề cá trên 3.000 lao động/năm.

- Thực hiện các hoạt động kinh doanh dịch vụ cho nghề cá như: điện, nước, cho thuê kho lạnh, cho thuê kiot, ngoài ra còn góp vốn liên doanh liên kết với bên ngoài dịch vụ xăng dầu, đá lạnh và căng tin.

- Thông báo, tuyên truyền cho ngư dân các quy định của pháp luật về khai thác thủy sản, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, vệ sinh an toàn thực phẩm... Thông báo tình hình thời tiết, thời vụ, giá cả thị trường và các quy định của địa phương có liên quan đến nghề cá.

3. Thuận lợi và khó khăn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ:

3.1. Thuận lợi:

Được sự quan tâm chỉ đạo của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, sự phối hợp, giúp đỡ của các đơn vị hữu quan và địa phương, Ban đã hoàn thành được chỉ tiêu nhiệm vụ kế hoạch đề ra trong năm 2016.

3.2. Khó khăn:

- Hoạt động quản lý tại cảng cá phải thực hiện 24/24 giờ, thời gian làm việc liên tục cả năm, đối tượng phục vụ là ngư dân, nậu vựa, đa số trình độ dân trí thấp nên ý thức trách nhiệm về sử dụng cảng cá theo quy định của pháp luật còn thấp gây khó khăn trong quản lý điều hành. Mặt khác phải bố trí nhân sự có mặt thường xuyên làm phát sinh nhiều chi phí liên quan.

- Mức thu phí chi mới đảm bảo hoạt động thường xuyên của đơn vị, chưa có tích lũy kinh phí để duy tu, bảo dưỡng các công trình. Cơ sở hạ tầng trong môi

trường nước mặn, chưa được đầu tư đồng bộ (Cảng Đê Gi) để nhanh rỉ sét hư hỏng, chưa được Nhà nước hỗ trợ kinh phí duy tu bảo dưỡng làm công trình nhanh xuống cấp.

II. KẾT QUẢ THANH TRA:

1. Thanh tra việc xây dựng và thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ:

Qua thanh tra về thủ tục, quy trình xây dựng, nội dung và việc thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ của Ban nhận thấy:

1.1. Về thủ tục, quy trình: Ban đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2016 theo các căn cứ pháp lý hiện hành, đầy đủ các thủ tục, đúng trình tự và thẩm quyền.

1.2. Về nội dung: Quy chế chi tiêu nội bộ của Ban được xây dựng chặt chẽ, chi tiết. Tuy nhiên, có một số nội dung chưa đúng, chưa phù hợp với quy định hiện hành, chưa phù hợp với tình hình của Ban. Cụ thể:

- Chưa dự kiến được tổng mức và chi tiết các khoản thu - chi.

- Nội dung khoản tiền sử dụng điện thoại của Ban là đúng quy định của Nghị định 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ nhưng Ban căn cứ vào Quyết định số 98/2001/QĐ-UB ngày 28/9/2001 và Quyết định số 62/2001/QĐ-UB ngày 13/7/2001 của UBND tỉnh Bình Định là không đúng vì Giám đốc Ban không thuộc các đối tượng quy định tại các quyết định nêu trên.

- Nội dung chi khoản tiền công tác phí hàng tháng cho phó giám đốc, tổ thu phí, tổ điều độ, phòng kỹ thuật là không phù hợp vì trong thực tế các bộ phận này không có phát sinh công việc (trong năm 2016 Ban cũng không thanh toán cho các đối tượng này).

- Quy chế chi tiêu nội bộ chưa quy định các phương án phân phối thu nhập tăng thêm (trong thực tế được phân phối tiêu chí thi đua A, B, C).

- Quy chế chi tiêu nội bộ quy định trích quỹ phát triển sự nghiệp 40% chênh lệch thu-chi nhưng trong thực tế lại trích 40% chênh lệch thu-chi sau khi đã chi thu nhập tăng thêm. Thực tế năm 2016, Ban đã trích quỹ phát triển sự nghiệp số tiền: 600 triệu đồng không thấp hơn mức 25% chênh lệch thu-chi (1.899 triệu đồng \times 25% = 475 triệu đồng) theo quy định tại Nghị định 16/2015/NĐ-CP.

- Đa số các nội dung chi, Quy chế chi tiêu nội bộ đã quy định là khoản chi nhưng thực tế chi là mức khống chế, chưa thực hiện khoán cho cá nhân, bộ phận, hầu hết là thanh toán theo thực tế bằng chứng từ. Mức chi trong năm không vượt mức khống chế.

1.3. Về thực hiện Quy chế chi tiêu nội bộ: So với quy định của Quy chế chi tiêu nội bộ, việc thực hiện của Ban chưa thực sự tuân thủ đúng như: có quy định nhưng không thực hiện và ngược lại, tính sai tỷ lệ quy định nhưng nhìn chung không sai các quy định của Nhà nước.

2. Thanh tra việc quản lý, sử dụng nguồn thu phí:

2.1 Đối công tác thu phí, lệ phí: Trong năm 2016 Ban thực hiện thu phí theo đúng định mức quy định, bao gồm các loại phí sau:

- Phí sử dụng cảng cá được thu phí theo Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 26/01/2016 của UBND tỉnh về việc sửa đổi bổ sung quy định về phí sử dụng Cảng cá Quy Nhơn và Quyết định số 08/2016/QĐ-UBND ngày 26/01/2016 của UBND tỉnh về việc quy định về phí sử dụng Cảng cá Đề Gi, huyện Phù Cát.

- Phí sử dụng lễ đường, bến bãi tại cảng cá thu theo Quyết định số 25/2012/QĐ-UBND ngày 25/7/2012 của UBND tỉnh về việc sửa đổi bổ sung một số loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Định và Quyết định số 10/2016/QĐ-UBND ngày 26/1/2016 của UBND tỉnh về việc quy định về Phí sử dụng lễ đường, bến, bãi tại Cảng cá Đề Gi.

- Phí vệ sinh rác thải thu theo Quyết Định số 26/2012/QĐ-UBND ngày 25/7/2012 của UBND tỉnh về việc quy định mức thu phí vệ sinh rác thải tại Cảng cá Quy Nhơn.

2.2. Đối với công tác chi: Các khoản thu phí, lệ phí được trích lại 100% cho đơn vị chi hoạt động sự nghiệp. Ban đã sử dụng khoản thu phí, lệ phí chi cho các hoạt động của đơn vị đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả. Có một số nội dung chi tuy chưa đúng hoàn toàn theo Quy chế chi tiêu nội bộ nhưng không sai quy định của nhà nước. Cụ thể thu, chi trong năm như sau:

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung	BCQT	Số kiểm tra	Chênh lệch (KT-BCQT)
1	Chênh lệch thu lớn hơn chi chưa phân phối năm trước chuyển sang	0	0	0
2	Phí thu trong kỳ	4.999.724.900	4.897.724.900	-102.000.000
3	Bổ sung nguồn kinh phí	4.999.724.900	4.897.724.900	-102.000.000
4	Chi trong kỳ	4.999.724.900	4.999.724.900	0
	+ Chi thanh toán các nhân (lương và các khoản theo lương)	2.371.231.433	2.371.231.433	0
	- Chi hoạt động dịch vụ	1.536.958.647	1.536.958.647	0
	+ Chi khác	180.772.885	180.772.885	0
	- Trích lập các quỹ	910.761.953	910.761.953	0
5	Chênh lệch thu lớn hơn chi chưa phân phối đến cuối kỳ	0	-102.000.000	102.000.000

Chênh lệch giảm 102.000.000 đồng, nguyên nhân: tiền cho thuê mặt bằng giữ xe, không thuộc nguồn thu phí mà thuộc doanh thu kinh doanh dịch vụ vì Ban không tự tổ chức giữ xe.

3. Thanh tra việc quản lý, sử dụng nguồn thu từ hoạt động dịch vụ, liên doanh, liên kết năm 2016.

3.1. Tình hình quản lý, sử dụng nguồn thu từ hoạt động dịch vụ, liên doanh, liên kết:

Bên cạnh việc thu phí, lệ phí theo quy định của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, để tối ưu hóa trong việc quản lý và sử dụng tài sản hiện có tại đơn vị, chủ động trong việc thực hiện tự chủ tài chính và phục vụ nhu cầu và lợi ích cho xã hội, Ban Quản lý Cảng cá Bình Định đã tổ chức kinh doanh dịch vụ với các hình thức như liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân bên ngoài, nhận vốn góp của CBCNV trong cơ quan để đầu tư, xây dựng, cho thuê kiot và cung cấp dịch vụ điện, nước cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng để kinh doanh tại các Cảng cá Quy Nhơn.

3.2. Tình hình góp vốn vào hoạt động dịch vụ:

Đơn vị tính: đồng

S tt	Tên thiết bị	Số lượng	Tỷ lệ vốn góp (*)	Thành tiền	Thời gian đưa vào sử dụng
1	Kiot	10	(60%;40%)	1.000.000.000	2013
2	Kiot	05	(39,39%, 60, 61%)	1.155.000.000	2013
3	Kiot	02	(45,89%; 54,11%)	462.000.000	2014
4	Kiot	01	(43,72%; 56,28%)	231.000.000	2015
5	Kiot	05	(65,37%; 34,63%)	1.155.000.000	2015
6	Kiot	04	(56,71%; 43,29%)	924.000.000	2014-2016
	Tổng cộng	27		4.927.000.000	

* Tỷ lệ vốn góp giữa huy động cán bộ công chức và nguồn ký quỹ của khách hàng + quỹ phát triển sự nghiệp.

3.3. Tình hình quản lý, sử dụng nguồn thu từ hoạt động dịch vụ, liên doanh, liên kết năm 2016:

- Về tình hình thu:

+ Đối với nguồn thu cho thuê kiot: Ban ký kết hợp đồng cho thuê kiot với mức giá thỏa thuận với các tổ chức, cá nhân di thuê. Mức giá cho thuê của từng kiot khác nhau do tùy thuộc vào vị trí kinh doanh và khả năng sinh lợi của từng loại kiot.

- Đối với nguồn thu từ lợi nhuận hợp tác căn tin, hợp tác bán ngư lưới cụ, hợp tác liên doanh xăng dầu, Ban thu trên phần lợi nhuận cố định không phân biệt việc kinh doanh đó có lãi, lỗ. Riêng đối với nguồn thu từ hoạt động dịch vụ cung cấp điện, nước thì đơn vị thu theo số lượng điện, nước thực tế phát sinh mà tổ chức, cá nhân sử dụng nhân với đơn giá thỏa thuận giữa đơn vị với các tổ chức, cá nhân sử dụng điện, nước.

Nhìn chung, trong năm 2016 Ban tổ chức thu với mức giá phù hợp với thực tế và nhu cầu sử dụng của xã hội. Tuy nhiên đơn vị vẫn còn tồn tại một số

khuyết điểm như hạch toán nhầm lẫn giữa các nguồn thu như thu từ việc cho thuê mặt bằng trông giữ xe vào nguồn thu phí, lệ phí (chi tiết theo biểu dưới đây).

- Về tình hình chi: Ban Quản lý Cảng cá Bình Định sử dụng nguồn thu này để chi các nội dung phát sinh có liên quan đến hoạt động kinh doanh dịch vụ của đơn vị, các khoản chi có đầy đủ hóa đơn, chứng từ theo đúng quy định hiện hành.

Đơn vị tính: đồng

St t	Nội dung	Theo số BCQT	Theo số KT	Chênh lệch
1	Thu trong năm 2016	2.020.555.281	2.122.555.281	102.000.000
2	Chi trong năm 2016	1.318.803.198	1.318.803.198	0
3	Chênh lệch thu-chi ((1)-(2))	701.752.083	803.752.083	102.000.000
4	Chênh lệch thu-chi tính thuế TNDN	701.752.083	793.552.083	91.800.000
5	Thuế TNDN ((4)*20%)	140.350.415	158.710.415	18.360.000
6	Lợi nhuận sau thuế ((4)-(5))	561.401.668	634.841.668	73.440.000

* Nguyên nhân chênh lệch: Về thu: tăng 102.000.000 đồng.

Trong năm 2016, Ban không trực tiếp tổ chức thu phí trông giữ xe mà cho ông Nguyễn Văn Hải thuê mặt bằng với giá 8.500.000 đồng/tháng để trông giữ xe. Nguồn thu này Ban xác định là nguồn thu phí hạch toán vào tài khoản 511 (thu phí, lệ phí) là không đúng quy định tại Quyết định số 28/2014/QĐ-UBND ngày 11/11/2014 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí trong giữ xe đạp, xe máy, xe ô tô trên địa bàn tỉnh Bình Định. Qua kiểm tra, Đoàn thanh tra nhận thấy đây là khoản thu từ hoạt động kinh doanh dịch vụ cho thuê mặt bằng để trông giữ xe nên phải hạch toán vào tài khoản 531 (thu từ hoạt động kinh doanh dịch vụ) và thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

3.4. Các nguồn thu khác:

Trong năm 2016, Ban Quản lý Cảng cá Bình Định có phát sinh nguồn thu khác là lãi tiền gửi ngân hàng.

Số liệu năm 2016:

Stt	Nội dung	Theo số BCQT	Theo số KT	Chênh lệch
1	Thu trong năm 2016	1.490.900	1.490.900	0
2	Chi trong năm 2016	0	0	0
3	Chênh lệch thu-chi ((1)-(2))	1.490.900	1.490.900	0
4	Thuế TNDN	298.180	298.180	0
5	Lợi nhuận sau thuế ((3)-(4))	1.192.720	1.192.720	0
6	Phân phối lợi nhuận	1.192.720	1.192.720	0

Ban đã quản lý, sử dụng nguồn thu này đúng mục đích.

3.5. Thanh tra thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:

Trong năm 2016, các khoản phải nộp phản ánh trên sổ sách kế toán như sau:

*** Thuế môn bài:**

Đơn vị tính: đồng

Stt	Nội dung	Theo số BCQT	Theo số KT	Chênh lệch
1	Số còn phải nộp năm trước	0	0	0
2	Số phát sinh trong năm 2016	1.000.000	1.000.000	0
3	Số đã nộp trong năm 2016	1.000.000	1.000.000	0
4	Số còn phải nộp năm 2016	0	0	0

*** Tiền thuê đất:**

Đơn vị tính: đồng

Stt	Nội dung	Theo số BCQT	Theo số KT	Chênh lệch
1	Số còn phải nộp năm trước chuyển sang	23.374.790	23.374.790	0
2	Số phát sinh trong năm 2016	42.377.720	42.377.720	0
3	Số đã nộp trong năm 2016	54.676.500	54.676.500	0
4	Số còn phải nộp năm 2016	11.076.010	11.076.010	0

*** Thuế GTGT:**

Đơn vị tính: đồng

Stt	Nội dung	Theo số BCQT	Theo số KT	Chênh lệch
1	Số còn phải nộp năm trước	9.986.887	9.986.887	0
2	Số phát sinh trong năm 2016	154.038.639	164.238.639	10.200.000
3	Số đã nộp trong năm 2016	157.996.262	157.996.262	0
4	Số còn phải nộp năm 2016	6.029.264	16.229.264	10.200.000

Nguyên nhân chênh lệch: tính thêm 10% thuế suất thuế GTGT của 102.000.000 đồng của nguồn thu kinh doanh dịch vụ cho thuê mặt bằng để trưng giữ xe ($102.000.000 \times 10\% = 10.200.000$ đồng).

*** Thuế thu nhập cá nhân của thu nhập từ đầu tư vốn:**

Đơn vị tính: đồng

Stt	Nội dung	Theo số BCQT	Theo số KT	Chênh lệch
1	Số còn phải nộp năm trước chuyển sang	15.561.155	15.561.155	0
2	Số phát sinh trong năm 2016	10.702.615	10.702.615	0
3	Số đã nộp trong năm 2016	22.740.340	22.740.340	0
4	Số còn phải nộp trong năm 2016	3.523.430	3.523.430	0

*** Thuế TNDN:**

Đơn vị tính: đồng

Stt	Nội dung	Theo số BCQT	Theo số KT	Chênh lệch
1	Số còn phải nộp năm trước chuyển sang	135.315.423	135.315.423	0
2	Số phát sinh trong năm 2016	140.648.595	159.008.595	18.360.000
3	Số đã nộp trong năm 2016	144.957.191	144.957.191	0
4	Số còn phải nộp trong năm 2016	131.006.827	149.366.827	18.360.000

Nhìn chung trong năm 2016, Ban đã kê khai và nộp các loại thuế có phát sinh tại đơn vị tương đối đúng, đủ. Tuy nhiên còn một số sai sót như chưa nộp đủ số thuế GTGT phải nộp 10.200.000 đồng; thuế TNDN 18.360.000 đồng do hạch toán nhầm.

4. Thanh tra việc quản lý đầu tư xây dựng công trình phục vụ hoạt động dịch vụ, hậu cần nghề cá từ 2013-2016 thuộc nguồn vốn tự huy động:

Các công trình xây dựng phục vụ hoạt động dịch vụ hậu cần nghề cá do Ban Quản lý Cảng cá Bình Định triển khai xây dựng từ năm 2013- 2016 có nguồn vốn đầu tư từ nguồn quỹ phát triển sự nghiệp của đơn vị, vốn huy động từ CBCNV, nguồn ký quỹ khách hàng, và nguồn huy động từ liên doanh, liên kết.

Các công trình được xây dựng có công năng sử dụng và vị trí xây dựng đúng theo quy hoạch tổng thể mặt bằng khu vực sản xuất tại Cảng cá Quy Nhơn được phê duyệt tại Quyết định số 1342/QĐ-UBND ngày 24/5/2013 của UBND tỉnh Bình Định và đã tổ chức thực hiện tốt theo đúng phương án huy động vốn xã

hội hóa thực hiện các dịch vụ hậu cần nghề cá tại cảng cá Quy Nhơn được Sở Nông nghiệp và PTNT phê duyệt tại Quyết định số 2762/QĐ-SNN ngày 26/8/2013 của Giám đốc Sở NN &PTNT Bình Định. Các công trình được thực hiện theo đúng thủ tục, quy định hiện hành, khi hoàn thành đưa vào sử dụng đều đạt hiệu quả cao. Tuy nhiên, Ban chưa thực hiện trình cấp thẩm quyền phê duyệt đồ án quy hoạch theo quy định tại Điều 5, Quyết định số 1342/QĐ-UBND do việc đầu tư nhiều lần tùy theo nhu cầu thuê của khách hàng và phụ thuộc vào nguồn vốn của khách hàng cũng như của Ban (hiện nay vẫn còn một số hạng mục chưa thực hiện). Ban chưa thực hiện việc hạch toán tăng tài sản cố định khi hoàn thành đưa vào sử dụng, lập sổ sách theo dõi trích khấu hao cho đơn vị theo quy định.

Nguồn vốn đầu tư xây dựng của các công trình này là nguồn vốn khác, không thuộc nguồn vốn Nhà nước (quỹ phát triển sự nghiệp của đơn vị có góp vốn nhưng không quá 8% vốn/ công trình) nên việc lựa chọn nhà thầu xây lắp không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu. Ban đã thực hiện chỉ định thầu trong thực hiện đầu tư xây dựng công trình. Dự toán và hồ sơ công trình được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Qua việc chỉ định thầu đơn vị đã tiết kiệm được chi phí đầu tư xây dựng (các công trình có giá chỉ định thầu từ 80-87% so với giá trị xây lắp theo dự toán ban đầu).

Qua kiểm tra hồ sơ chứng từ các công trình được thực hiện với tổng vốn đầu tư hoàn thành đưa vào sử dụng: 12.585.000.000 đồng.

Trong đó:

- Nguồn quỹ PTSN: 708.500.000 đ, chiếm 5,63%;
- Nguồn ký quỹ khách hàng: 2.430.000.000 đ, chiếm 19,31%;
- Huy động từ CBCVN: 2.647.000.000 đ, chiếm 21,03%;
- Huy động liên doanh: 6.803.500.000 đ, chiếm 54,06%;

Cụ thể:

4.1. Các công trình Ban quản lý làm chủ đầu tư:

4.1.1. Kiốt bán hàng: 10 kiốt

- Giá trị xây lắp theo dự toán ban đầu: 1.259.865.000 đồng;
- Giá trị xây lắp hoàn thành: 1.000.000.000 đồng, trong đó:
 - + Huy động từ CBCVN: 600.000.000 đ, chiếm 60,00%;
 - + Nguồn ký quỹ khách hàng: 400.000.000 đ, chiếm 40,00%;

4.1.2. Kiốt để khay kết: 17 kiốt

- Giá trị xây lắp theo dự toán ban đầu: 4.504.597.814 đồng;
- Giá trị xây lắp hoàn thành: 3.927.000.000 đồng, trong đó:
 - + Nguồn quỹ PTSN: 250.000.000 đ, chiếm 6,37%;
 - + Nguồn ký quỹ khách hàng: 1.630.000.000 đ, chiếm 41,50%;
 - + Huy động từ CBCVN: 2.047.000.000 đ, chiếm 52,13%;

4.1.3. Kho bảo quản lạnh 300 tấn (chưa hoàn thành):

- Giá trị dự toán ban đầu: 8.365.264.018 đồng;
- Giá trị công việc đã thực hiện : 4.875.000.000 đồng, trong đó:
 - + Nguồn quỹ PTSN: 375.000.000 đ, chiếm 7,69%;
 - + Huy động liên doanh: 4.500.000.000 đ, chiếm 92,31%;

4.2. Các công trình Ban quản lý liên doanh, liên kết:

4.2.1. Cửa hàng xăng dầu:

- Giá trị hoàn thành đưa vào sử dụng: 1.487.000.000 đồng, trong đó:
 - + Nguồn quỹ PTSN: 223.500.000 đ, chiếm 15,03%;
 - + Huy động liên doanh: 1.263.500.000 đ, chiếm 84,97%;

4.2.2. Căn tin:

- Giá trị hoàn thành đưa vào sử dụng: 600.000.000 đồng, trong đó:
 - + Nguồn quỹ PTSN: 120.000.000 đ, chiếm 20,00%;
 - + Huy động liên doanh: 480.000.000 đ, chiếm 80,00%;

4.2.3. Cửa hàng mua bán ngư lưới cụ:

- Giá trị hoàn thành đưa vào sử dụng: 700.000.000 đồng, trong đó:
 - + Nguồn quỹ PTSN: 140.000.000 đ, chiếm 20,00%;
 - + Huy động liên doanh: 560.000.000 đ, chiếm 80,00%;

5. Thanh tra việc chấp hành pháp luật về kế toán :

- Việc tổ chức bộ máy kế toán, bố trí người làm kế toán :

Việc bố trí cán bộ làm công tác tài chính-kế toán gồm 02 người thuộc Phòng Hành chính-Tổng hợp, trong đó: 01 Trưởng phòng phụ trách kế toán, 01 kế toán viên là phù hợp với tình hình quản lý các nguồn kinh phí của Ban.

- Việc áp dụng chế độ kế toán, tài khoản kế toán:

Ban là đơn vị sự nghiệp công lập, áp dụng chế độ kế toán theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán hành chính sự nghiệp, Thông tư số 185/2010/TT-BTC ngày 15/11/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC và tuân thủ các quy định của Luật kế toán. Đơn vị thực hiện hạch toán kế toán theo hình thức Nhật ký chung đúng chế độ kế toán hiện hành.

- Việc chấp hành quy định về hạch toán, chứng từ, sổ sách kế toán, bảo quản, lưu trữ tài liệu kế toán:

Qua kiểm tra chứng từ, sổ sách kế toán, bảo quản, lưu trữ tài liệu kế toán, nhận thấy: Ban chưa phản ánh kịp thời nghiệp vụ kinh tế phát sinh, các công trình xây dựng Cảng Quy Nhơn đã được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bàn giao và các công trình đầu tư xây dựng hoàn thành đã sử dụng nhưng chưa ghi tăng tài sản cố định trên sổ sách. Hạch toán sai mục lục ngân sách. Sổ sách kế toán, báo cáo tài chính đầy đủ nhưng vẫn còn một số sai sót nhỏ.

- Việc chấp hành quy định về lập, gửi và công khai báo cáo tài chính:

Qua thanh tra cho thấy, trong năm 2016 Ban đã lập đầy đủ các biểu mẫu báo cáo tài chính gửi đến cơ quan quản lý đúng thời gian quy định. Thực hiện công khai báo cáo tài chính năm 2016 bằng văn bản thông qua Hội nghị cán bộ, viên chức năm 2017 theo quy định.

III. KẾT LUẬN:

1. Ưu điểm và kết quả đạt được:

Trong điều kiện tình hình thực hiện nhiệm vụ phức tạp, khó khăn về nguồn kinh phí nhưng Ban đã đạt được những kết quả đáng khích lệ:

- Tổ chức quản lý tốt bến bãi, tạo điều kiện thuận lợi cho tàu cá, tàu vận tải, xe ô tô ra vào cảng hoạt động kinh doanh dịch vụ liên quan đến nghề cá.

- Cảng cá đã tạo thuận lợi cho người dân vào cảng hoạt động mua bán, dịch vụ nghề cá trên 3.000 lao động/năm.

- Thực hiện các hoạt động kinh doanh dịch vụ cho nghề cá như: điện, nước, cho thuê kho lạnh, cho thuê kiot, ngoài ra còn góp vốn liên doanh liên kết với bên ngoài dịch vụ xăng dầu, đá lạnh và cảng tin.

- Thông báo, tuyên truyền cho ngư dân các quy định của pháp luật về khai thác thủy sản, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, vệ sinh an toàn thực phẩm... tình hình thời tiết, thời vụ, giá cả thị trường.

2. Khuyết điểm tồn tại:

2.1. Trong việc xây dựng và thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ:

Quy chế chi tiêu nội bộ của Ban được xây dựng tương đối chặt chẽ, chi tiết. Tuy nhiên, có một số nội dung chưa đúng, chưa phù hợp với quy định hiện hành, chưa phù hợp với tình hình của Ban. Cụ thể:

- Chưa dự kiến được tổng mức và chi tiết các khoản thu - chi.

- Khoản tiền sử dụng điện thoại viên dẫn căn cứ không đúng.

- Quy chế chi tiêu nội bộ chưa quy định các phương án phân phối thu nhập tăng thêm.

- Quy chế chi tiêu nội bộ đã quy định là khoản chi nhưng thực tế chỉ là mức khống chế, chưa thực hiện khoản cho cá nhân, bộ phận, hầu hết là thanh toán theo thực tế bằng chứng từ.

- Việc thực hiện dù không sai quy định của Nhà nước nhưng chưa thực sự đúng với quy định của Quy chế chi tiêu nội bộ như: khoản công tác phí hàng tháng, trích quỹ phát triển sự nghiệp. Trách nhiệm này thuộc về Giám đốc Ban.

2.2. Trong hoạt động thu phí và kinh doanh dịch vụ:

Hạch toán nhằm khoản thu giữ xe từ hoạt động dịch vụ sang thu phí nên đơn vị chưa nộp thuế GTGT: 10.200.000 đồng; thuế TNDN: 18.360.000 đồng. Trách nhiệm này thuộc về Bộ phận kế toán Ban.

2.3. Trong việc quản lý đầu tư xây dựng công trình phục vụ hoạt động dịch vụ, hậu cần nghề cá từ 2013-2016 thuộc nguồn vốn tự huy động:

Chưa thực hiện trình cấp thẩm quyền phê duyệt đồ án quy hoạch theo quy định tại Điều 5, Quyết định số 1342/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bình Định. Trách nhiệm này thuộc về Giám đốc Ban.

2.4. Trong việc chấp hành pháp luật về kế toán:

Chưa ghi tăng tài sản cố định trên sổ sách kế toán các công trình xây dựng đã nhận bàn giao và các công trình đầu tư xây dựng hoàn thành đã sử dụng. Trách nhiệm này thuộc về Bộ phận kế toán Ban.

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG:

Không có

V. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ:

1. Đối với Ban Quản lý Cảng cá Bình Định:

1.1. Chỉ đạo bộ phận kế toán phải liên tục cập nhật chính sách, chế độ tài chính mới ban hành để áp dụng; kế toán phải phản ánh đầy đủ, kịp thời, chính xác, trung thực các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

1.2. Sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh, bãi bỏ một số nội dung Quy chế chi tiêu nội bộ của Ban từ năm 2017 trở đi, khắc phục những tồn tại đã nêu, đúng với quy định hiện hành, phù hợp với tình hình của đơn vị.

1.3. Phối hợp với các cơ quan liên quan lập đồ án quy hoạch chi tiết Cảng cá Quy Nhơn theo quy định tại Điều 5, Quyết định số 1342/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bình Định trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

1.4. Hoàn thành các thủ tục để phản ánh vào sổ sách các tài sản cố định thuộc phạm vi quản lý của Ban, đặc biệt là tài sản của Cảng cá Đê Gi.

1.5. Ban Quản lý Cảng cá Bình Định nộp vào Tài khoản tạm giữ ngân sách tỉnh của Sở Tài chính mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh các khoản thuế chưa nộp với tổng số tiền: 28.560.000 đồng.

1.6. Căn cứ kết quả thanh tra Giám đốc Ban tổ chức cho các tổ chức, cá nhân kiểm điểm rút kinh nghiệm, có hình thức kỷ luật phù hợp, đúng quy định pháp luật và có biện pháp chấn chỉnh, chấm dứt ngay những khuyết điểm, tồn tại.

1.7. Công khai Kết luận thanh tra theo quy định.

2. Đối với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Rút kinh nghiệm trong việc xét duyệt quyết toán hàng năm thật chặt chẽ. Chỉ đạo và hướng dẫn Ban thực hiện Kết luận thanh tra.

Trên đây là Kết luận thanh tra việc chấp hành pháp luật về tài chính, ngân sách tại Ban Quản lý Cảng cá Bình Định. Ban Quản lý Cảng cá có trách nhiệm công khai Kết luận thanh tra, tổ chức thực hiện các kiến nghị và báo cáo kết quả thực hiện bằng văn bản cho Sở Tài chính sau 15 ngày kể từ ngày ban hành Kết luận thanh tra. *TV*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Thanh tra tỉnh;
- Sở NN và PTNT;
- Ban Quản lý Cảng cá Bình Định;
- Phó GD Sở phụ trách TT;
- Lưu: VT, HCSN, TH, Chánh TT, Đoàn TT.



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

luo
Nguyễn Văn Hưng